TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 129/2020/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 17 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 69/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Phòng 212-G4 (Tổ 16, khu vực 5), phường H, thành phố H1, tỉnh T.

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1980; địa chỉ: Phòng 212-G4 (Tổ 16, khu vực 5), phường H, thành phố H1, tỉnh T..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị B tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm rồi đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh T vào ngày 15/4/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông Tuấn về sinh sống tại nhà cha mẹ của ông T. Thời gian đầu, vợ chồng sống với nhau hòa thuận, khoảng 02 năm sau, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, từ đó cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân đã 10 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được. Nên ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị B cùng gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T, bà B được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị B có 03 con chung là Trần Thị T, sinh ngày 14/6/1998; Trần Thị Minh H, sinh ngày 09/3/2010 và Trần Minh H, sinh ngày 14/6/2016. Hiện nay, chị Thảo đã trưởng thành và đã có chồng, con nên ông T và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn các cháu H, H1 hiện đang do bà Bé trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Nay thuận tình ly hôn ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị B thỏa thuận như sau: Giao cả 02 cháu Trần Thị Minh H và Trần Minh H1 cho bà Nguyễn Thị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu H, H1 trưởng thành, đủ 18 tuổi; ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung là các cháu Trần Thị Minh H và Trần Minh H mỗi cháu, mỗi tháng 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu Trần Thị Minh H và Trần Minh H1 trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị B không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị B, mỗi người phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị B đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009162 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh T. Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị B đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (Ngày 06/3/2020), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cả 02 cháu Trần Thị Minh H và Trần Minh H1 cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu H, H1 trưởng thành, đủ 18 tuổi; ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung là các cháu Trần Thị Minh H, sinh ngày 09/3/2010 và Trần Minh H1, sinh ngày 14/6/2016 mỗi cháu, mỗi tháng 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu Trần Thị Minh H và Trần Minh H1 trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị B không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị B, mỗi người phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị B đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009162 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị B đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND phường P, thành phố H;
(Ông T và bà B ĐKKH số 33, quyển số 01/2009 ngày 15/4/2009)
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dán.

Huỳnh Trọng C